

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÔNG GIANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 TBGLS/ KHVT-XMSG

Quảng Trị, ngày 12 tháng 01 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG
V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng

ĐẾN
Số:.....
Ngày:.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu:.....

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2026.

Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Văn Thành

- Họ và tên người nộp văn bản: Phạm Thị Thái Dũng

- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Thôn Cương Trung C, Xã Tuyên Hóa, Tỉnh Quảng Trị,

Việt Nam

- Số điện thoại liên lạc: 0917.125.298

- Email: dungptt@scg.com

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÔNG GIANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 1 tháng 12 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 01 ngày 01 tháng 01 năm 2026 của XMSG về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
1	Xi măng Sông Gianh PCB40 (đóng bao)	TCVN 6260:2020	Đồng/tấn		2,023,000	2,023,000				Giá bán tại công trình dự án tại Thành phố Gia Nghĩa. Và các Huyện Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Rlấp, Đắk Song, Krông Nô, Đắk Glong, Tuy Đức- tỉnh Đắk Nông cũ
2	Xi măng ADAMAX PCB40 (đóng bao)	TCVN 6260:2020	Đồng/tấn		1,924,000	1,924,000				
3	Xi măng Sông Gianh PCB40 (xuất rời)	TCVN 6260:2020	Đồng/tấn		1,973,000	1,973,000				
4	SCG super xi măng PCB40 (đóng bao)	TCVN 6260:2020	Đồng/tấn		2,121,000	2,121,000				
5	SCG low carbon super xi măng PCB40 (bao)	TCVN 6260:2020	Đồng/tấn		2,121,000	2,121,000				

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liên kế trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

3. Giá bán đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.

(2) Số ký hiệu văn bản.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.

- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.

